



SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 16 tháng 7 năm 2019



Chang Hung Chun
Phó Tổng Giám Đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018

M.S.C.N

M.S.C.N

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thông tin về Công ty

**Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh số**

0303576603

ngày 25 tháng 6 năm 2018

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là vào ngày 25 tháng 6 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4103002877 được cấp ngày 18 tháng 11 năm 2004.

Hội đồng Quản trị

Dr Nguyễn Đăng Quang
Ông Hồ Hùng Anh

Chủ tịch
Phó Chủ tịch
(đến ngày 12 tháng 4 năm 2018)

Bà Nguyễn Hoàng Yến
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Lars Kjaer
Ông Dominic Edward Salter Price

Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Dr Nguyễn Đăng Quang
Ông Nguyễn Thiệu Nam
Ông Michael Hung Nguyen
Ông Nguyễn Anh Nguyễn
Ông Seokhee Won

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
(đến ngày 27 tháng 2 năm 2018)

Đại diện pháp lý

Dr Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
17 Lê Duẩn
Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Khi lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán phù hợp có được tuân thủ hay không, và các khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- lập báo cáo tài chính riêng theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh không còn phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm quản lý tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Dr Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 7 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 7 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng này không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-01-00271-19-1



Hà Văn Đình

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chong Kwang Puay

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0864-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 7 tháng 3 năm 2019

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|---|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 150) | 100 | | 4.577.655.260.097 | 1.450.395.265.773 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | 4 | 681.197.208.270 | 129.224.525.040 |
| Tiền | 111 | | 1.197.208.270 | 40.325.525.040 |
| Các khoản tương đương tiền | 112 | | 680.000.000.000 | 88.899.000.000 |
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 1.524.338.390.000 | 44.210.730.000 |
| Chứng khoán kinh doanh | 121 | 5(a) | 1.499.990.000.000 | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | 5(b) | 24.348.390.000 | 44.210.730.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 2.363.413.470.974 | 1.265.150.900.563 |
| Phải thu của khách hàng | 131 | | 11.879.382.264 | 11.632.964.654 |
| Trả trước cho người bán | 132 | | 330.000.000 | 89.100.808 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 6 | 2.351.204.088.710 | 1.253.428.835.101 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 8.706.190.853 | 11.809.110.170 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 848.544.743 | 251.667.808 |
| Thuế phải thu Nhà nước | 153 | 7 | 7.857.646.110 | 11.557.442.362 |
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 22.793.654.397.661 | 21.106.739.653.822 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | 6 | 4.020.557.774.958 | 2.258.495.044.988 |
| Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | 2.800.000.000.000 | - |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | 1.220.557.774.958 | 2.258.495.044.988 |
| Tài sản cố định | 220 | | 10.825.312.617 | 4.771.031.643 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 8 | 10.774.250.102 | 4.556.195.803 |
| Nguyên giá | 222 | | 35.402.523.245 | 27.435.580.956 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (24.628.273.143) | (22.879.385.153) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 9 | 51.062.515 | 214.835.840 |
| Nguyên giá | 228 | | 4.697.122.903 | 4.697.122.903 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (4.646.060.388) | (4.482.287.063) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 553.352.503 | 118.585.500 |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 553.352.503 | 118.585.500 |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 18.761.352.942.046 | 18.798.446.091.448 |
| Đầu tư vào các công ty con | 251 | 5(c) | 14.382.515.864.410 | 14.419.609.013.812 |
| Đầu tư vào một công ty liên kết | 252 | 5(d) | 4.378.837.077.636 | 4.378.837.077.636 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 365.015.537 | 44.908.900.243 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 10 | 365.015.537 | 44.908.900.243 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 27.371.309.657.758 | 22.557.134.919.595 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

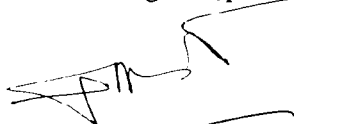
Mẫu B 01 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|--|------------|-------------|---------------------------|---------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 3.130.547.276.519 | 10.957.863.435.238 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 3.130.547.276.519 | 1.103.426.768.571 |
| Phải trả người bán | 311 | | - | 444.586.400 |
| Thuế phải nộp Nhà Nước | 313 | | - | 29.244.600 |
| Chi phí phải trả | 315 | 11 | 115.286.104.269 | 250.260.648.457 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 12 | 25.261.172.250 | 56.267.289.114 |
| Vay và trái phiếu ngắn hạn | 320 | 13 | 2.990.000.000.000 | 796.425.000.000 |
| Nợ dài hạn | 330 | | - | 9.854.436.666.667 |
| Vay và trái phiếu dài hạn | 338 | 13 | - | 9.854.436.666.667 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 24.240.762.381.239 | 11.599.271.484.357 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 14 | 24.240.762.381.239 | 11.599.271.484.357 |
| Vốn cổ phần | 411 | 15 | 11.631.495.480.000 | 11.573.739.740.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | 412 | 15 | 11.084.416.541.079 | 6.855.539.345.096 |
| Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | (1.695.338.182.568) | (1.695.338.182.568) |
| Cổ phiếu quỹ | 415 | 15 | - | (6.518.087.064.615) |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 3.220.188.542.728 | 1.383.417.646.444 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước | 421a | | 1.383.417.646.444 | 30.023.103.428 |
| - Lợi nhuận thuần trong năm | 421b | | 1.836.770.896.284 | 1.353.394.543.016 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 27.371.309.657.758 | 22.557.134.919.595 |

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính




Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

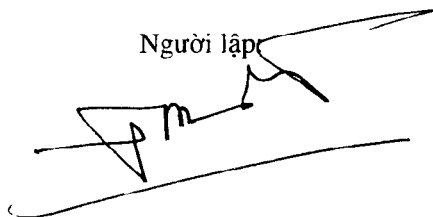
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2018 VND | 2017 VND |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 18 | 2.917.671.764.327 | 2.580.476.835.997 |
| Chi phí tài chính | 22 | 19 | 877.137.151.975 | 1.085.515.700.125 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 23 | | 782.069.304.795 | 942.587.273.271 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 20 | 203.763.716.068 | 141.480.575.629 |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26) | 30 | | 1.836.770.896.284 | 1.353.480.560.243 |
| Chi phí khác | 32 | | - | 86.017.227 |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = - 32) | 40 | | - | (86.017.227) |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 1.836.770.896.284 | 1.353.394.543.016 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 21 | - | - |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 21 | - | - |
| Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 1.836.770.896.284 | 1.353.394.543.016 |

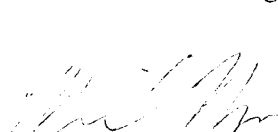
Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập



Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt




Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính

Dr Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 2018 VND | 2017 VND |
|--|-----------|----------------|----------------------------|--------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | | 1.836.770.896.284 | 1.353.394.543.016 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 1.912.661.315 | 2.215.370.113 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | | (246.554.746) | (1.894.326.954) |
| Lãi từ các hoạt động đầu tư | 05 | | (2.915.754.994.872) | (2.577.822.551.006) |
| Chi phí lãi vay và chi phí tài chính khác | 06 | | 854.632.638.128 | 1.084.057.273.271 |
| Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | (222.685.353.891) | (140.049.691.560) |
| (Tăng)/giảm các khoản phải thu và tài sản khác | 9 | | (6.148.235.240) | 7.217.324.640 |
| (Giảm)/tăng các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | (6.900.312.907) | 20.504.118.490 |
| Giảm chi phí trả trước | 12 | | 43.947.007.771 | 46.511.367.759 |
| Tăng chứng khoán kinh doanh | 13 | | (1.499.990.000.000) | - |
| | | | (1.691.776.894.267) | (65.816.880.671) |
| Tiền lãi vay đã trả | 14 | | (853.077.222.222) | (823.521.564.187) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (2.544.854.116.489) | (889.338.444.858) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác | 21 | | (8.401.709.292) | (322.467.078) |
| Tiền chi cho các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 23 | | (2.889.348.390.000) | (1.450.416.730.000) |
| Tiền thu từ các khoản cho vay và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn | 24 | | 109.210.730.000 | 6.242.470.734.920 |
| Tiền chi đầu tư | 25 | | - | (5.333.185.120.000) |
| Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư | 26 | | 379.736.000.000 | 3.874.973.038.476 |
| Tiền thu lãi tiền gửi, trái phiếu và cho vay và cổ tức | 27 | | 1.502.962.662.856 | 2.380.436.602.323 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (905.840.706.436) | 5.713.956.058.641 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

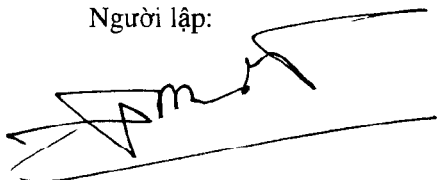
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã Thuyết số minh | 2018 VND | 2017 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|----------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và phát hành lại cổ phiếu quỹ | 31 | 10.799.109.769.019 | 98.726.000.000 |
| Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ | 32 | - | (5.876.976.565.699) |
| Tiền thu từ đi vay | 33 | - | 3.910.000.000.000 |
| Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | (6.796.425.000.000) | (1.050.570.000.000) |
| Tiền chi trả cổ tức | 36 | (17.400.000) | (2.276.495.862.000) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | 4.002.667.369.019 | (5.195.316.427.699) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | 551.972.546.094 | (370.698.813.916) |
| Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm | 60 | 129.224.525.040 | 499.923.209.801 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền | 61 | 137.136 | 129.155 |
| Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) | 70 | 4 | 681.197.208.270 |
| | | | 129.224.525.040 |

Ngày 7 tháng 3 năm 2019

Người lập:

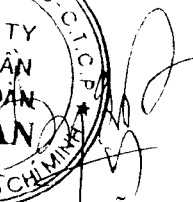


Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính

Dr Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý đầu tư.

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có 35 nhân viên (1/1/2018: 32 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

(e) Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các trái phiếu được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi thu nhập lãi liên quan đến giai đoạn trước khi mua chứng khoán kinh doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng, các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nâng cấp tài sản thuê 5 năm
- thiết bị văn phòng 3 – 5 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm vi tính này không là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

(g) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí phát triển phần mềm vi tính chưa được hoàn tất. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển.

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Phí dịch vụ tư vấn

Phí dịch vụ tư vấn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(i) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(j) Trái phiếu phát hành

Trái phiếu thường

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(k) Vốn chủ sở hữu

(i) *Vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần*

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần. Phần chênh lệch do giá phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) *Vốn khác của chủ sở hữu*

Các thỏa thuận phát hành một số lượng cổ phiếu nhất định vào một ngày ấn định trong tương lai, được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý tại ngày của các thỏa thuận và được ghi nhận vào vốn khác của chủ sở hữu nếu không tồn tại các thỏa thuận thay thế nào khác.

(iii) *Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)*

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(l) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực hoặc cơ bản cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập cổ tức, thu nhập lãi tiền gửi và trái phiếu và cho vay, lãi từ thanh lý các khoản đầu tư và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái.

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay từ các khoản vay và trái phiếu, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, chi phí đi vay được phân bổ và lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư.

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong suốt thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(o) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(p) Chi trả bằng cổ phần

Cổ phiếu phát hành cho nhân viên theo mệnh giá được ghi nhận theo mệnh giá.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|----------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Tiền mặt | 64.826.703 | 110.708.966 |
| Tiền gửi ngân hàng | 1.132.381.567 | 40.214.816.074 |
| Các khoản tương đương tiền | 680.000.000.000 | 88.899.000.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 681.197.208.270 | 129.224.525.040 |
| | <hr/> | <hr/> |

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày gửi.

5. Đầu tư tài chính

| | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|-------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Đầu tư tài chính ngắn hạn | | |
| Chứng khoán kinh doanh (a) | 1.499.990.000.000 | - |
| Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (b) | 24.348.390.000 | 44.210.730.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 1.524.338.390.000 | 44.210.730.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| Đầu tư tài chính dài hạn | | |
| Đầu tư vào các công ty con (c) | 14.382.515.864.410 | 14.419.609.013.812 |
| Đầu tư vào một công ty liên kết (d) | 4.378.837.077.636 | 4.378.837.077.636 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 18.761.352.942.046 | 18.798.446.091.448 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| (a) | Chứng khoán kinh doanh | 31/12/2018 | | 1/1/2018 | | | | | |
|-----|--|------------|-------------------|--------------------|-----------------------|----------|-------------|--------------------|-----------------------|
| | | Số lượng | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng giảm giá VND | Số lượng | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng giảm giá VND |
| | Trái phiếu của Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan, một công ty con | 14.999.900 | 1.499.990.000.000 | (*) | - | - | - | - | - |

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho chứng khoán kinh doanh này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại không quá mười hai tháng kể từ ngày lập báo cáo.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào các công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

| | 31/12/2018 | | | 1/1/2018 | | | | | |
|--|----------------|-----------------------------|--------------------|-----------------|--------------------------|-----------------------------|--------------------|-----------------|--------------------------|
| | % sở hữu | % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND | % quyền biểu quyết | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá trị hợp lý VND |
| ▪ Công ty TNHH MasanConsumerHoldings ("MCH") | 85,7% | 85,7% | 516.600.000.000 | - | (**) | 85,7% | 516.600.000.000 | - | (**) |
| ▪ Công ty TNHH Tâm nhìn Masan ("MH") | 99,9% | 99,9% | 11.950.000.000.000 | - | (**) | 99,9% | 11.950.000.000.000 | - | (**) |
| ▪ Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science ("MNS") (*) | 80,8% | 80,8% | 1.915.915.864.410 | - | (**) | 82,4% | 1.953.009.013.812 | - | (**) |
| | | | 14.382.515.864.410 | - | (**) | | 14.419.609.013.812 | - | (**) |

(*) Trong năm, Công ty đã bán 0,8% và 0,77% lợi ích trong MNS lần lượt cho PENM IV Germany GmbH & Co. Kg và các cổ đông khác.

(**) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Techcombank được xác định bằng cách tham chiếu giá niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

- (*) Tại ngày 1 tháng 1 năm 2018, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào một công ty liên kết để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

6. Phải thu ngắn hạn và dài hạn

(a) Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|--|-------------------|-------------------|
| Phải thu từ các bên liên quan | 2.332.562.237.382 | 1.252.337.892.836 |
| Thu nhập lãi tiền gửi và trái phiếu phải thu | 18.101.111.841 | 945.754.802 |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | 34.500.000 | 29.500.000 |
| Phải thu khác | 506.239.487 | 115.687.463 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 2.351.204.088.710 | 1.253.428.835.101 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- 883.046 triệu VND (1/1/2018: 883.046 triệu VND) liên quan đến lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2019;
- 226.676 triệu VND (1/1/2018: 226.676 triệu VND) liên quan đến lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2019;
- 17.260 triệu VND (1/1/2018: không) liên quan đến lãi phải thu của trái phiếu phát hành bởi một công ty con;
- Khoản phải thu phi thương mại với số tiền là 142.244 triệu VND (1/1/2018: 142.244 triệu VND) từ Công ty Cổ phần Masan, một bên liên quan, không có đảm bảo và sẽ thu được khi yêu cầu. Sau ngày lập báo cáo, Công ty đã thu được khoản phải thu này; và
- 1.063.336 triệu VND liên quan đến khoản phải thu từ việc thanh lý 4.891.000 trái phiếu chuyển đổi của một công ty liên kết cho một công ty con. Khoản này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2019.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải thu về cho vay dài hạn

| | 31/12/2018 | 1/1/2018 |
|-------------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Phải thu từ bên liên quan (*) | 2.800.000.000.000 | - |

(c) Phải thu dài hạn khác

| | 31/12/2018 | 1/1/2018 |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu từ các bên liên quan (*) | 1.217.631.780.598 | 2.256.036.149.988 |
| Ký quỹ, ký cược dài hạn | 2.925.994.360 | 2.458.895.000 |
| | 1.220.557.774.958 | 2.258.495.044.988 |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, phải thu về cho vay dài hạn và phải thu dài hạn khác từ các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- 2.824.932 triệu VND (1/1/2018: không) liên quan đến một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con với số dư nợ gốc là 2.800.000 triệu VND (1/1/2018: không) và lãi phải thu liên quan là 24.932 triệu VND (1/1/2018: không). Khoản vay đáo hạn vào tháng 11 năm 2020 và hưởng lãi suất năm là 6,5%;
- 1.124.124 triệu VND (1/1/2018: 1.124.124 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu của các khoản cho vay không được đảm bảo cấp cho các công ty con, số dư nợ gốc của các khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 12 năm 2020; và
- 68.576 triệu VND (1/1/2018: 68.576 triệu VND) liên quan đến khoản lãi phải thu của một khoản vay không được đảm bảo cấp cho một công ty con, số dư nợ gốc của khoản vay này đã được hoàn trả. Khoản lãi này sẽ được thu trong tháng 11 năm 2021.

7. Thuế phải thu Nhà nước

| | 31/12/2018 | 1/1/2018 |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 398.015.743 | 398.015.743 |
| Thuế nhà thầu nước ngoài | 7.459.630.367 | 11.159.426.619 |
| | 7.857.646.110 | 11.557.442.362 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nâng cấp tài sản thuê VND | Thiết bị văn phòng VND | Tổng VND |
|--|--|---------------------------------------|---------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm | 21.399.524.698 | 6.036.056.258 | 27.435.580.956 |
| Tăng trong năm | - | 1.664.980.718 | 1.664.980.718 |
| Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dờ dang | 6.301.961.571 | - | 6.301.961.571 |
| Số dư cuối năm | 27.701.486.269 | 7.701.036.976 | 35.402.523.245 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 17.017.575.932 | 5.861.809.221 | 22.879.385.153 |
| Khấu hao trong năm | 1.567.059.481 | 181.828.509 | 1.748.887.990 |
| Số dư cuối năm | 18.584.635.413 | 6.043.637.730 | 24.628.273.143 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu năm | 4.381.948.766 | 174.247.037 | 4.556.195.803 |
| Số dư cuối năm | 9.116.850.856 | 1.657.399.246 | 10.774.250.102 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 20.907 triệu VND (1/1/2018: 19.808 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

| | Phần mềm vi tính VND |
|-------------------------------|-------------------------------------|
| Nguyên giá | |
| Số dư đầu năm và cuối năm | 4.697.122.903 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | |
| Số dư đầu năm | 4.482.287.063 |
| Khấu hao trong năm | 163.773.325 |
| Số dư cuối năm | 4.646.060.388 |
| Giá trị còn lại | |
| Số dư đầu năm | 214.835.840 |
| Số dư cuối năm | 51.062.515 |

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 4.532 triệu VND (1/1/2018: 60 triệu VND) đã khấu hao hết, nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Chi phí trả trước dài hạn

| | Công cụ và dụng cụ VND | Phí dịch vụ tư vấn VND | Tổng VND |
|-------------------|---------------------------------------|---------------------------------------|---------------------|
| Số dư đầu năm | 213.080.293 | 44.695.819.950 | 44.908.900.243 |
| Tăng trong năm | 338.633.232 | - | 338.633.232 |
| Phân bổ trong năm | (186.697.988) | (44.695.819.950) | (44.882.517.938) |
| Số dư cuối năm | 365.015.537 | - | 365.015.537 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí phải trả

| | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|-----------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí lãi vay | 77.250.000.000 | 231.176.547.566 |
| Phí tư vấn | 8.266.127.928 | 4.229.583.720 |
| Chi phí khác | 29.769.976.341 | 14.854.517.171 |
| | <hr/> 115.286.104.269 | <hr/> 250.260.648.457 |

12. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|-----------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Cổ tức phải trả | 11.130.000 | 28.530.000 |
| Phải trả khác | 25.250.042.250 | 56.238.759.114 |
| | <hr/> 25.261.172.250 | <hr/> 56.267.289.114 |

13. Vay và trái phiếu

| | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|---------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Vay và trái phiếu ngắn hạn | | |
| Vay và trái phiếu dài hạn đến hạn trả | 2.990.000.000.000 | 796.425.000.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| Vay và trái phiếu dài hạn (*) | | |
| Vay và trái phiếu dài hạn | 2.990.000.000.000 | 10.650.861.666.667 |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (2.990.000.000.000) | (796.425.000.000) |
| | <hr/> | <hr/> |
| | - | 9.854.436.666.667 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(*) Vay và trái phiếu dài hạn bao gồm:

| | 31/12/2018 | 1/1/2018 |
|---------------------------------------|---------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Trái phiếu thường (a) | 2.990.000.000.000 | 8.917.436.666.667 |
| Khoản vay không đảm bảo (b) | - | 1.733.425.000.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 2.990.000.000.000 | 10.650.861.666.667 |
| | <hr/> | <hr/> |
| Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (2.990.000.000.000) | (796.425.000.000) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Khoản đến hạn trả sau 12 tháng | - | 9.854.436.666.667 |
| | <hr/> | <hr/> |

(a) Trái phiếu thường

Các trái phiếu của Công ty bao gồm 3.000 tỷ VND (1/1/2018: 3.000 tỷ VND) trái phiếu chưa bao gồm chi phí phát hành, với thời gian đáo hạn là 2 năm và chịu lãi suất năm cố định là 9,0%. Trái phiếu này không được đảm bảo.

Trong năm, Công ty đã tuân thủ các điều khoản đối với các trái phiếu trên.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, công ty liên kết của Công ty sở hữu 38.492 triệu VND trái phiếu đã phát hành của Công ty.

(b) Khoản vay không đảm bảo

| | Loại tiền | Lãi suất năm | Năm đáo hạn | 31/12/2018 | 1/1/2018 |
|--|------------------|---------------------|--------------------|-------------------|-------------------|
| | | | | VND | VND |
| MRC Ltd (**) | USD | 0% | 2018 | - | 796.425.000.000 |
| Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (***) | VND | 6,5% | 2021 | - | 937.000.000.000 |
| | | | | <hr/> | <hr/> |
| | | | | - | 1.733.425.000.000 |
| | | | | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- (**) Trong năm 2016, Công ty đã ký một thỏa thuận với MRC Ltd, một nhà đầu tư thiểu số trước đây trong Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan (“MR”), một công ty con, cho phép MRC Ltd mua 12.000.000 cổ phiếu của Công ty với giá mỗi cổ phiếu là 95.000 VND, và Công ty cũng ký một hợp đồng vay với MRC Ltd cho một khoản vay không đảm bảo với số tiền là 35 triệu USD. Khoản vay này phải trả sau hai năm kể từ ngày giải ngân và chịu lãi suất năm là 0%. Trong trường hợp MRC Ltd bán bất kỳ cổ phiếu nào trong 12.000.000 cổ phiếu của Công ty đã mua trước đó, số cổ phiếu này sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm, khoản vay phải trả sẽ được giảm tương ứng. Và MRC Ltd đã ký một thỏa thuận đề cập cho Công ty một quyền chọn mua, theo đó Công ty hoặc người được chỉ định bởi Công ty sẽ có quyền, nhưng không bắt buộc, mua từ MRC Ltd cổ phiếu của Công ty với giá mỗi cổ phiếu là 112.000 VND, giá này sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm. Quyền chọn này chỉ được thực hiện trong vòng 10 ngày làm việc trong trường hợp MRC Ltd gửi thông báo thanh toán cho khoản vay trên. Số lượng cổ phiếu được mua sẽ được tính dựa trên tỷ lệ số tiền vay đã thanh toán trên tổng số dư nợ gốc là 35 triệu USD nhân với 12.000.000 cổ phiếu, số cổ phiếu này sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm. Thông báo thanh toán đã được gửi vào ngày 8 tháng 1 năm 2018 và quyền chọn mua đã hết hiệu lực. Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản vay này vào ngày 24 tháng 12 năm 2018.
- (***) Trong năm, Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản vay này trước ngày đáo hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

14. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Vốn khác của chủ sở hữu VND | Cổ phiếu quỹ VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng VND |
|--|--------------------------------|---|--|---------------------------------|--|---------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 | 7.680.756.740.000 | 10.649.796.345.096 | (1.695.338.182.568) | (641.110.498.916) | 30.023.103.428 | 16.024.127.507.040 |
| Phát hành cổ phiếu thưởng | 3.794.207.000.000 | (3.794.207.000.000) | - | - | - | - |
| Phát hành cổ phiếu | 98.776.000.000 | (50.000.000) | - | - | - | 98.726.000.000 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 1.353.394.543.016 | 1.353.394.543.016 |
| Mua cổ phiếu quỹ | - | - | - | (5.876.976.565.699) | - | (5.876.976.565.699) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 | 11.573.739.740.000 | 6.855.539.345.096 | (1.695.338.182.568) | (6.518.087.064.615) | 1.383.417.646.444 | 11.599.271.484.357 |
| Phát hành cổ phiếu | 57.755.740.000 | (50.000.000) | - | - | - | 57.705.740.000 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 1.836.770.896.284 | 1.836.770.896.284 |
| Phát hành lại cổ phiếu quỹ | - | 4.228.927.195.983 | - | 6.518.087.064.615 | - | 10.747.014.260.598 |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 | 11.631.495.480.000 | 11.084.416.541.079 | (1.695.338.182.568) | - | 3.220.188.542.728 | 24.240.762.381.239 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 31/12/2018 | | 1/1/2018 | |
|---------------------------------|-------------------|----------------------|-------------------|---------------------|
| | Số lượng cổ phiếu | VND | Số lượng cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt | 1.163.149.548 | 11.631.495.480.000 | 1.157.373.974 | 11.573.739.740.000 |
| Vốn cổ phần đã phát hành | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 1.163.149.548 | 11.631.495.480.000 | 1.157.373.974 | 11.573.739.740.000 |
| Thặng dư vốn cổ phần | | - 11.084.416.541.079 | | - 6.855.539.345.096 |
| Cổ phiếu quỹ | | | | |
| Cổ phiếu phổ thông | | - | (109.899.932) | (6.518.087.064.615) |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Vào ngày 2 tháng 10 năm 2018 (“Ngày Hoàn Tất”), Công ty đã phát hành 109.899.932 cổ phiếu quỹ với giá mỗi cổ phiếu là 100.000 VND cho SK Investment Vina I Pte. Ltd. (“SK”). Công ty cũng đã ký một thỏa thuận cấp cho SK một quyền chọn bán. Trong trường hợp Công ty và SK không thực hiện được việc tạo ra giá trị và sự cộng hưởng từ mối quan hệ đối tác này hoặc không đồng ý với các định hướng chiến lược của Công ty, SK có một quyền chọn không thể hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc người được chỉ định bởi Công ty mua lại toàn bộ số cổ phiếu của Công ty đã phát hành ở trên với giá mỗi cổ phiếu là 100.000 VND, giá này sẽ được trừ đi các khoản cổ tức và phân phối khác mà Công ty đã trả, và sẽ được điều chỉnh trong trường hợp phát sinh suy giảm. Quyền chọn này sẽ được thực hiện sau năm thứ 5 kể từ Ngày Hoàn Tất và trong năm thứ 6 kể từ Ngày Hoàn Tất. Quyền chọn này chỉ có thể được thực hiện một lần đối với toàn bộ số cổ phiếu trên và sẽ vô hiệu nếu SK bán bất kỳ cổ phiếu nào trong số đó.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động trong năm của vốn cổ phần như sau:

| | 2018 | | 2017 | |
|---|----------------------|--------------------|----------------------|--------------------|
| | Số lượng cổ phiếu | VND | Số lượng cổ phiếu | VND |
| Số dư đầu năm | 1.157.373.974 | 11.573.739.740.000 | 768.075.674 | 7.680.756.740.000 |
| Phát hành cổ phiếu thường | - | - | 379.420.700 | 3.794.207.000.000 |
| Phát hành cổ phiếu theo mệnh giá bằng tiền | 5.775.574 | 57.755.740.000 | 9.877.600 | 98.776.000.000 |
| Số dư cuối năm | 1.163.149.548 | 11.631.495.480.000 | 1.157.373.974 | 11.573.739.740.000 |

16. Chi trả bằng cổ phần

Công ty có kế hoạch trả thù lao bằng cổ phần dựa trên việc đánh giá thành tích của nhân viên. Việc phát hành cổ phần trong tương lai theo kế hoạch này phải được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội Cổ đông thường niên.

Trong tháng 6 năm 2018, Công ty đã phát hành 5.775.574 cổ phần cho nhân viên theo mệnh giá bằng tiền.

17. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 31/12/2018 VND | 1/1/2018 VND |
|----------------------------|-------------------|-----------------|
| Trong vòng một năm | 11.078.876.480 | 9.677.578.400 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 7.524.610.520 | 9.677.578.400 |
| | 18.603.487.000 | 19.355.156.800 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ

| | 31/12/2018 | | 1/1/2018 | |
|-----|------------|-----------------|-----------|-----------------|
| | Nguyên tệ | Tương đương VND | Nguyên tệ | Tương đương VND |
| USD | 286 | 6.611.098 | 299 | 6.773.074 |

18. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2018 VND | 2017 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Thu nhập cổ tức từ các công ty con | 2.455.573.000.000 | 973.151.229.857 |
| Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư | 344.236.013.814 | 1.319.045.768.280 |
| Thu nhập lãi tiền gửi và trái phiếu | 92.607.637.424 | 22.441.492.175 |
| Thu nhập lãi từ các khoản cho các công ty con vay | 24.931.506.850 | 254.457.443.495 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 323.606.239 | 1.925.129.155 |
| Thu nhập từ các hoạt động đầu tư khác | - | 9.455.773.035 |
| | 2.917.671.764.327 | 2.580.476.835.997 |

19. Chi phí tài chính

| | 2018 VND | 2017 VND |
|--|------------------------|--------------------------|
| Chi phí lãi vay/phát hành trái phiếu từ: | | |
| • Trái chủ và các bên khác | 772.391.250.000 | 873.936.232.174 |
| • Các công ty con | 9.678.054.795 | 68.651.041.097 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | 72.563.333.333 | 27.860.000.000 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái | 20.137.048.358 | 113.658.646.018 |
| Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư | 1.593.163.216 | 729.155.836 |
| Chi phí khác | 774.302.273 | 680.625.000 |
| | 877.137.151.975 | 1.085.515.700.125 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2018 | 2017 |
|--|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 1.912.661.315 | 2.215.370.113 |
| Chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác | 201.851.054.753 | 139.265.205.516 |
| | 203.763.716.068 | 141.480.575.629 |

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | | 2018 | | 2017 | |
|---|-------|-------------------|-------|-------------------|-----|
| | % | VND | % | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 100% | 1.836.770.896.284 | 100% | 1.353.394.543.016 | |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 20% | 367.354.179.257 | 20% | 270.678.908.603 | |
| Thu nhập không chịu thuế | (27%) | (491.114.600.000) | (14%) | (194.630.245.971) | |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | - | 89.358.358 | - | 185.263.021 | |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận | 7% | 123.671.062.385 | - | - | |
| Lỗ tính thuế được sử dụng | - | - | (6%) | (76.233.925.653) | |
| | - | - | - | - | |

(b) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

22. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

| Bên liên quan | Tính chất giao dịch | 2018 VND | 2017 VND |
|--|---|---------------------|---------------------|
| Công ty con sở hữu trực tiếp | | | |
| Công ty TNHH Tầm nhìn Masan | Góp vốn | - | 5.333.185.120.000 |
| | Khoản cho vay đã thu | - | 4.798.331.784.920 |
| | Thu nhập lãi cho vay | - | 254.457.443.495 |
| | Thanh lý trái phiếu chuyển đổi của một công ty liên kết | - | 1.063.335.876.240 |
| Công ty TNHH MasanConsumerHoldings | Cổ tức | 1.320.000.000.000 | 973.151.229.857 |
| | Khoản cho vay đã cấp | 2.800.000.000.000 | - |
| | Thu nhập lãi cho vay | 24.931.506.850 | - |
| Công ty Cổ phần Masan Nutri-Science | Cổ tức | 1.135.573.000.000 | - |
| Công ty Cổ phần Tài nguyên Masan | Thu nhập lãi trái phiếu | 16.027.323.287 | - |
| Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan | Chia sẻ chi phí công nghệ thông tin | 4.996.948.188 | - |
| | Mua hàng | 22.526.304 | 11.187.458 |
| Công ty con sở hữu gián tiếp | | | |
| Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế | Khoản vay nhận được | - | 910.000.000.000 |
| | Khoản vay đã trả | - | 369.000.000.000 |
| | Chi phí lãi vay | 9.678.054.795 | 68.651.041.097 |
| | Cần trừ cổ tức phải thu với khoản vay | 937.000.000.000 | - |
| | Cần trừ cổ tức phải thu với lãi vay phải trả | 82.918.630.139 | - |
| Các bên liên quan khác | | | |
| Techcombank và các công ty con | Trái phiếu phát hành | - | 3.000.000.000.000 |
| | Mua chứng khoán kinh doanh | 2.016.733.635.616 | - |
| | Bán chứng khoán kinh doanh | 504.273.800.000 | - |
| Ban quản lý chủ chốt | Thù lao cho Ban quản lý chủ chốt (*) | 14.569.029.368 | 9.145.423.787 |

Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

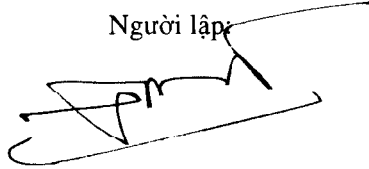
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty có các tài khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và các giao dịch đại lý tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam và các công ty con theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(*) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị của Công ty không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 và 2017.


23. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

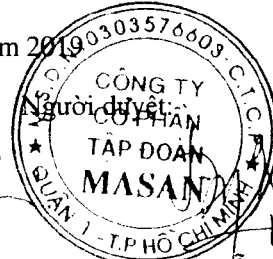
| | 2018 VND | 2017 VND |
|--|---------------------|---------------------|
| Cần trừ cổ tức phải thu với khoản vay từ một công ty con | 937.000.000.000 | - |
| Cần trừ cổ tức phải thu với lãi vay phải trả cho một công ty con | 82.918.630.139 | - |


Người lập


Đoàn Thị Mỹ Duyên
Kế toán trưởng

Ngày 7 tháng 3 năm 2019


Michael Hung Nguyen
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc Tài chính




Dr. Nguyễn Đăng Quang
Chủ tịch
Tổng Giám đốc



S. C. T. C. P. ★ H. M. W.